

Số: ~~1224~~ /QĐ - UBND

Chư Prông, ngày 25 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt dự toán, phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB Công trình:
Đường liên huyện Chư Păh – Ia Grai - Đức Cơ – Chư Prông, tỉnh Gia Lai Đợt 3
(Đoạn qua xã Ia Púch, huyện Chư Prông)**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 1010/QĐ-TTg ngày 10/8/2018 của Thủ tướng chính phủ về đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng khó khăn;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Gia Lai: Quyết định số 10/2013/QĐ-UBND ngày 22/5/2013; Quyết định số 28/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014; Quyết định số 14/2015/QĐ-UBND ngày 26/6/2015; Quyết định số 15/2016/QĐ-UBND ngày 21/03/2016; Quyết định số 342/QĐ-UBND ngày 26/5/2016; Quyết định 554/QĐ-UBND ngày 07/6/2017; Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 22/01/2018; Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND ngày 13/02/2018; Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 21/3/2018;

Căn cứ Quyết định số 112/QĐ-SGTVT ngày 01/02/2018 của Sở Giao thông vận tải Gia Lai về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng Công trình đường liên huyện Chư Păh – Ia Grai - Đức Cơ – Chư Prông;

Căn cứ Công văn số 177/UBND-CN XD ngày 29/01/2018 của UBND tỉnh Gia Lai về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư tiểu dự án thành phần bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Công trình đường liên huyện Chư Păh – Ia Grai - Đức Cơ – Chư Prông;

Căn cứ Công văn số 02/2018/CBGVL-LS ngày 20/8/2018 của Liên Sở xây dựng – Tài chính về việc công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Công văn số 208/UBND-KT ngày 02/02/2018 của UBND huyện Chư Prông về việc giao nhiệm vụ thực hiện tiểu dự án thành phần bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Công trình đường liên huyện Chư Păh – Ia Grai - Đúc Cơ – Chư Prông;

Căn cứ Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 16/11/2018 của UBND huyện Chư Prông về việc phê duyệt giá đất cụ thể làm cơ sở xác định giá đất bồi thường hỗ trợ GPMB Công trình đường liên huyện Chư Păh – Ia Grai - Đúc Cơ – Chư Prông và Thông báo số 184/TB-UBND ngày 31/10/2018 của UBND huyện Chư Prông về việc thông báo thu hồi đất để thực hiện Công trình đường liên huyện Chư Păh – Ia Grai - Đúc Cơ – Chư Prông;

Xét đề nghị của phòng Tài chính - Kế hoạch tại Báo cáo số 240/BC-TCKH ngày 25/12/2018 về kết quả thẩm định kinh phí dự toán, phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB Công trình: Đường liên huyện Chư Păh – Ia Grai - Đúc Cơ – Chư Prông, tỉnh Gia Lai Đợt 3 (Đoạn qua xã Ia Púch, huyện Chư Prông),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán, phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB Công trình đường liên huyện Chư Păh – Ia Grai - Đúc Cơ – Chư Prông, tỉnh Gia Lai Đợt 3 (Đoạn qua xã Ia Púch, huyện Chư Prông) cho 02 tổ chức và 57 hộ gia đình, cá nhân, cụ thể như sau:

1. Tổng diện tích đất bồi thường, hỗ trợ: 101.202,2 m²

Trong đó:

- Diện tích đất ở nông thôn: 103 m²
- Diện tích đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: 14.879,1 m²
- Diện tích đất nông nghiệp trồng cây lâu năm: 86.220,1 m²

2. Tổng kinh phí (làm tròn): **5.941.759.000 đồng** (Bằng chữ: Năm tỷ, chín trăm bốn mươi một triệu, bảy trăm năm mươi chín ngàn đồng).

Trong đó:

a. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ GPMB: 5.605.432.809 đồng, cụ thể:

- Tổng số tiền bồi thường về cây cối, hoa màu: 985.016.023 đồng
- Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất đai: 1.240.586.710 đồng
- Tổng số tiền hỗ trợ về vật kiến trúc: 333.630.351 đồng
- Tổng số tiền chính sách hỗ trợ: 3.046.199.725 đồng

b. Chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ GPMB (6%): 336.325.969 đồng

3. Nguồn kinh phí: Vốn Trái phiếu Chính phủ.

3. Nguồn kinh phí: Vốn Trái phiếu Chính phủ.

Điều 2. Giao cho Ban Đền bù GPMB chịu trách nhiệm giải phóng mặt bằng, lập thủ tục nhận kinh phí và chi trả kinh phí hỗ trợ cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và chịu trách nhiệm về tính pháp lý của các hồ sơ đền bù theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND & UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch, Trưởng Ban Đền bù GPMB và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. /*xe*

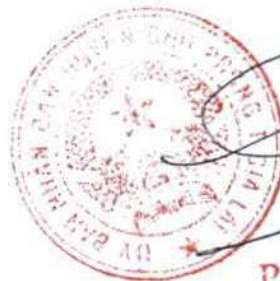
Nơi nhận :

- Như điều 3;
- Đ/c CT, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT+TH. *hql*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Vũ Tú

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ GPMB
CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG LIÊN HUYỆN CHỨ PÁCH - LA GRAI - ĐỨC CỜ - CHỨ PRÔNG, TỈNH GIA LAI ĐỢT 3
(ĐOẠN QUA XÃ LA PÚCH, HUYỆN CHỨ PRÔNG)

(Kèm theo Quyết định số 124/QĐ- UBND, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của UBND huyện Chư Prông)

Đơn vị: Đồng

Stt	Họ và tên	Địa chỉ	Cây cối, hoa màu	Đất đai	Vật kiến trúc	Chính sách hỗ trợ	Tổng cộng
1	Công ty TNHH MTV Bình Dương	xã Ia Púch	452.454.000				452.454.000
2	Hồ Hữu Hoạt	xã Ia Púch	21.040.250	6.391.000		15.977.500	43.408.750
3	Kpuih Kuynh	Làng Bih, xã Ia Púch	28.232.000	36.769.260		91.923.150	156.924.410
4	Kpả Hlô	Làng Goòng, xã Ia Púch	64.991.000	59.598.000		148.995.000	273.584.000
5	Siu Vê	Làng Bih, xã Ia Púch	14.794.000	28.052.200		70.130.500	112.976.700
6	Rơ Lan Neo	Làng Goòng, xã Ia Púch	3.842.000	14.517.360		36.293.400	54.652.760
7	Ksor Thêng	Làng Goòng, xã Ia Púch	11.128.773	25.314.960		63.287.400	99.731.133
8	Kpuih Phel	Làng Chư Kó, xã Ia Púch	4.258.000	12.147.960		30.369.900	46.775.860
9	Rơ Mah Choem	Làng Chư Kó, xã Ia Púch	7.437.000	58.254.240		145.635.600	211.326.840
10	Rơ Mah Klul	Làng Goòng, xã Ia Púch	5.030.000	10.978.440		24.951.000	40.959.440
11	Nguyễn Xuân Thuận	xã Ia Púch	0	54.480.690		136.201.725	190.682.415
12	Lê Lợi	Làng Chư Kó, xã Ia Púch	1.451.000	1.075.800		2.689.500	5.216.300
13	Trương Văn Ngọc	Làng Chư Kó, xã Ia Púch	33.505.000	93.667.200		234.168.000	361.340.200
14	Kpuih Glin	Làng Chư Kó, xã Ia Púch	369.000	23.064.030		57.660.075	81.093.105
15	Siu Loet	Làng Chư Kó, xã Ia Púch	2.040.000	32.042.010		80.105.025	114.187.035
16	Nguyễn Trọng Tánh	Làng Goòng, xã Ia Púch	816.000	3.515.160		8.787.900	13.119.060
17	Rơ Lan Mloi	Làng Goòng, xã Ia Púch	1.756.000	2.987.820	4.047.450	4.979.700	13.770.970

18	Rơ Mah Jú	Làng Prang, xã Ia Púch	5.944.000	31.966.440	1.905.750	79.916.100	119.732.290
19	Phan Văn Đức	Làng Chư Kó, xã Ia Púch	6.396.000	32.926.080		82.315.200	121.637.280
20	Rơ Lan Breh	Làng Prang, xã Ia Púch	211.000	9.972.600		24.931.500	35.115.100
21	Rơ Châm Nehen	xã Ia Púch	1.398.000	1.233.100		3.082.750	5.713.850
22	Rơ Mah Blol	Làng Goòng, xã Ia Púch	8.123.000	33.146.520	241.685.668	32.584.200	315.539.388
23	Bùi Đức Quý	Làng Chư Kó, xã Ia Púch	4.059.000	29.768.640		74.421.600	108.249.240
24	Vương Văn Lĩnh	Làng Chư Kó, xã Ia Púch	84.756.000	74.668.440		186.671.100	346.095.540
25	Nguyễn Văn Anh	Làng Chư Kó, xã Ia Púch	6.153.000	38.093.880		95.234.700	139.481.580
26	Phạm Văn Thắng	Làng Chư Kó, xã Ia Púch	3.270.000	11.832.480		29.581.200	44.683.680
27	Dương Văn Mạnh	Làng Goòng, xã Ia Púch	123.000	299.640		749.100	1.171.740
28	Đào Văn Đức	Làng Chư Kó, xã Ia Púch	23.117.000	16.911.840		42.279.600	82.308.440
29	Nguyễn Văn Chính	Làng Chư Kó, xã Ia Púch	10.999.000	75.007.680		187.519.200	273.525.880
X 30	Siu Hoàng	Làng Prang, xã Ia Púch	9.564.000	28.364.600	2.504.700	70.911.500	111.344.800
31	Hà Văn Thưởng	Làng Chư Kó, xã Ia Púch	3.444.000	15.091.560	0	37.728.900	56.264.460
32	Hà Văn Hồ	Làng Chư Kó, xã Ia Púch	900.000	51.449.640	0	128.624.100	180.973.740
33	Siu Thùy	Làng Chư Kó, xã Ia Púch	2.924.000	27.405.840		68.514.600	98.844.440
34	Rơ Mah Quan	Làng Goòng, xã Ia Púch		2.016.960	1.089.000	5.042.400	8.148.360
35	Rơ Châm Borm	Làng Klüh, xã Ia Púch	2.070.000	1.116.500	4.662.900	2.791.250	10.640.650
36	Rơ Lan Hun	Làng Bren, xã Ia Púch	35.446.000	55.188.100	18.216.000	137.970.250	246.820.350
37	Kpă Nam	Làng Klüh, xã Ia Púch	5.199.000	15.931.300	22.159.500	39.828.250	83.118.050
38	Rơ Mah Djiom	Làng Chư Kó, xã Ia Púch	13.263.000	28.541.040		71.352.600	113.156.640
39	Rơ Mah Thành	Làng Chư Kó, xã Ia Púch	4.113.000	25.691.490		64.228.725	94.033.215
40 ^x	Rơ Mah Chát	Làng Prang, xã Ia Púch	35.904.000	36.083.300	1.796.850	90.208.250	163.992.400
41	Đinh Văn Khiêm	Làng Prang, xã Ia Púch	2.674.000	3.385.800		8.464.500	14.524.300

42	Dương Văn Trường	Làng Prang, xã Ia Púch	3.541.000	8.134.390		20.335.975	32.011.365
43	Vũ Văn Quang	Làng Chư Kó, xã Ia Púch	12.702.000	41.457.240		103.643.100	157.802.340
44	Vũ Văn Thịnh	Làng Prang, xã Ia Púch		4.181.100	13.662.440	10.452.750	28.296.290
45	Siu Long	Làng Gòong, xã Ia Púch	4.080.000	5.743.320	998.250	14.358.300	25.179.870
46	Rơ Mah Lóh	Làng Prang, xã Ia Púch		289.300	392.040	723.250	1.404.590
47	Siu Blét	Làng Prang, xã Ia Púch	3.432.000	9.143.200		22.858.000	35.433.200
48	Rơ Mah Bly	Làng Prang, xã Ia Púch		2.924.900		7.312.250	10.237.150
49	Dương Văn Đức	Làng Prang, xã Ia Púch	2.190.000	2.599.300	1.611.720	6.498.250	12.899.270
50	Rơ Mah Yuin	Làng Prang, xã Ia Púch		998.690		2.496.725	3.495.415
51	Bùi Đình Phong	xã Ia Púch	23.788.000	22.672.870	980.100	56.682.175	104.123.145
52	Rơ Mah Blét	Làng Prang, xã Ia Púch	123.000	1.650.000		4.125.000	5.898.000
53	Kpuih Quang	Làng Prang, xã Ia Púch	1.236.000	12.351.900		30.879.750	44.467.650
54	Hoàng Phi Luận	Làng Prang, xã Ia Púch	9.792.000	8.894.600		22.236.500	40.923.100
55	Rơ Lan Thon	Làng Prang, xã Ia Púch	938.000	3.039.300	1.067.220	7.598.250	12.642.770
56	Nguyễn Văn Nhiên	Làng Prang, xã Ia Púch		1.644.500		4.111.250	5.755.750
57	Kpuih Ngán	Làng Prang, xã Ia Púch		5.912.500		14.781.250	20.693.750
58	Cổng chào làng Gòong	Làng Gòong, xã Ia Púch			8.875.350		8.875.350
59	Nguyễn Trần Anh Tuấn	Làng Gòong, xã Ia Púch			7.975.413		7.975.413
Tổng cộng			985.016.023	1.240.586.710	333.630.351	3.046.199.725	5.605.432.809